

CURRENT STATUS OF TEACHING AND LEARNING INFECTION PREVENTION AND CONTROL AT HAI DUONG MEDICAL TECHNICAL UNIVERSITY

Do Thi Hue*, Do Thi Thu Hien, Nguyen Thi Hue, Vu Thi Quyen, Pham Thi Thanh Phuong

Hai Duong Medical Technical University - No. 1 Vu Huu, Thanh Binh Ward, Hai Duong City, Hai Duong Province, Vietnam

Received: 23/05/2025

Revised: 10/06/2025; Accepted: 15/06/2025

ABSTRACT

Objective: To describe the current status of teaching and learning infection control among nursing students at Hai Duong Medical Technical University.

Methods: A cross-sectional study was conducted on 354 second-, third-, and fourth-year nursing students at Hai Duong Medical Technical University from October 2022 to October 2023 using a structured questionnaire.

Results: The study population consisted of 15% male and 85% female students, with an average age of 20.03 ± 0.90 years. A total of 91% of students stated that the infection prevention and control (IPC) course helped them gain deeper professional knowledge and develop certain competencies. Over 80% of students agreed with the content and teaching methods of the course. However, the proportion of students who were not confident in practicing certain skills remained high: 26% in waste classification, 23.4% in safe collection and transportation of medical waste, and 20.1% in environmental surface cleaning. About 96.9% of students expressed the desire to borrow the practice room for self-study. More than 20% of students reported a lack of equipment for practicing sterilization–disinfection, linen management, and environmental hygiene, and suggested that the practice room should be designed to resemble clinical settings.

Conclusion: The integration of infection prevention and control content into the nursing curriculum has demonstrated initial effectiveness in fostering students' knowledge, clinical skills, and professional attitudes. However, there is a need to enhance the availability of equipment, increase support from lecturers, and redesign the practice rooms to improve training effectiveness and strengthen students' practical competencies in real-world clinical settings.

Keywords: Infection prevention and control, nursing students.

*Corresponding author

Email: huedt@hmtu.edu.vn Phone: (+84) 973866104 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD10.2631>

THỰC TRẠNG DẠY- HỌC PHÒNG NGỪA VÀ KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Đỗ Thị Huế*, Đỗ Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Huế, Vũ Thị Quyến, Phạm Thị Thanh Phương

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương - Số 1 Vũ Hựu, P. Thanh Bình, Tp. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Received: 23/05/2025

Revised: 10/06/2025; Accepted: 15/06/2025

ABSTRACT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng dạy-học nội dung phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (KSNK) của sinh viên điều dưỡng tại trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang trên 354 sinh viên năm 2,3,4 tại trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương từ tháng 10/2022 đến tháng 10/2023.

Kết quả: Nghiên cứu bao gồm 15% sinh viên nam và 85% sinh viên nữ với độ tuổi trung bình là $20,03 \pm 0,90$ tuổi. Có 91% sinh viên cho rằng học phần KSNK giúp họ hiểu sâu về chuyên môn và phát triển một số năng lực của bản thân. Trên 80% sinh viên đồng ý với nội dung và phương pháp giảng dạy học phần. Tỷ lệ sinh viên chưa tự tin trong thực hành các nội dung về phân loại chất thải (26%), thu gom vận chuyển an toàn chất thải y tế (23,4%) và vệ sinh môi trường bề mặt là (20,1%). Trên 20% sinh viên phản ánh sự thiếu hụt về dụng cụ đối với các nội dung: khử khuẩn- tiệt khuẩn, quản lý đồ vải và vệ sinh môi trường, đề xuất phòng thực hành cần thiết kế giống với lâm sàng. Có 96,9% sinh viên mong muốn có thể mượn phòng thực hành để tự học.

Kết luận: Nội dung phòng ngừa và KSNK đã đạt được những hiệu quả bước đầu trong việc xây dựng và phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ cho sinh viên điều dưỡng. Tuy nhiên cần có sự tăng cường về dụng cụ, hỗ trợ của giảng viên thay đổi thiết kế phòng thực hành để nâng cao hiệu quả đào tạo và năng lực thực hành cho sinh viên trong môi trường làm việc thực tế.

Từ khóa: Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn, sinh viên điều dưỡng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiễm khuẩn bệnh viện là một trong những thách thức lớn đối với hệ thống y tế toàn cầu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng chăm sóc và an toàn người bệnh. Báo cáo năm 2022 của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) chỉ ra rằng cứ 100 người bệnh điều trị nội trú tại các bệnh viện, có 7 người bệnh ở các quốc gia thu nhập cao và 15 người bệnh ở các quốc gia thu nhập thấp và trung bình mắc ít nhất một nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế trong thời gian nằm viện. Trung bình, cứ 10 người bệnh bị nhiễm khuẩn thì có 1 người tử vong do nhiễm khuẩn này [1].

WHO cũng nhấn mạnh rằng nếu thực hiện tốt vệ sinh tay và các biện pháp phòng ngừa khác có thể ngăn ngừa được 70% các nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế [1]. Từ thực tế này, có thể thấy rằng nhân viên y tế, đặc biệt là điều dưỡng viên, giữ vai trò quan trọng trong công tác phòng ngừa và kiểm soát

nhiễm khuẩn tại các cơ sở y tế.

Tại Việt Nam, năm 2018 Bộ Y tế đã đưa ra khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo về KSNK đối với các Trường có đào tạo ngành học thuộc khối ngành sức khỏe. Theo đó các trường cần nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên kiểm soát nhiễm khuẩn; đề xuất đầu tư cơ sở thực hành, tiền lâm sàng bảo đảm chuẩn hóa, hiện đại để đảm bảo chất lượng đào tạo [2]. Tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn đối với các trường trong việc triển khai nội dung này trong chương trình đào tạo. Kết quả nghiên cứu tại trường Đại học Điều dưỡng Nam Định đã chỉ ra rằng việc kết hợp giảng dạy kiểm soát nhiễm khuẩn qua E-learning làm giảm sự tương tác giữa sinh viên (SV) và giảng viên, thiếu những tình huống cụ thể, SV vẫn còn e dè, chưa chủ động đưa ra ý kiến, phản hồi trong quá trình học tập [3].

*Tác giả liên hệ

Email: huedt@hmtu.edu.vn Điện thoại: (+84) 973866104 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD10.2631>

Tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, nội dung phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (KSNK) được giảng dạy trong học kỳ 2 năm thứ nhất, tích hợp với học phần Vi sinh - Ký sinh trùng, với tổng số 03 tín chỉ (02 lý thuyết, 01 thực hành). Học phần này cung cấp cho SV điều dưỡng kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, nguồn lây và đường lây truyền của các tác nhân sinh học gây bệnh, cũng như các phương pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn. Tuy nhiên, hiện chưa có nghiên cứu nào đánh giá hiệu quả của nội dung này trong việc nâng cao năng lực phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn cho SV. Xuất phát từ thực tế trên, nhóm nghiên cứu tiến hành đề tài: “*Thực trạng dạy - học Phòng ngừa và Kiểm soát nhiễm khuẩn tại trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương*”, với mục tiêu:

Mô tả thực trạng dạy - học phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn cho sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

SV điều dưỡng trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

- *Tiêu chuẩn lựa chọn*: SV điều dưỡng năm 2, năm 3, năm 4 đã học học phần Kiểm soát nhiễm khuẩn và các học phần khác có nội dung liên quan đến phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn.

- *Tiêu chuẩn loại trừ*: SV không có mặt tại địa điểm nghiên cứu khi tiến hành khảo sát (nghỉ ốm, nghỉ thai sản...); SV không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành tại trường Đại học Kỹ thuật y tế Hải Dương từ tháng 10/2022- 10/2023.

2.3. Thiết kế nghiên cứu: Cắt ngang.

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu toàn bộ SV Điều dưỡng năm 2, năm 3, năm 4 đáp ứng tiêu chuẩn chọn mẫu. Có 354 SV tham gia nghiên cứu.

2.5. Biến số nghiên cứu

Biến đặc điểm của đối tượng nghiên cứu: tuổi, giới, năm học

Biến thực trạng dạy và học phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn: Quan điểm của SV về giảng dạy lý thuyết, giảng viên, nội dung học thực hành, giảng viên, phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất.

2.6. Phương pháp thu thập số liệu và bộ công cụ

Bộ công cụ nghiên cứu được xây dựng dựa trên bộ công cụ Dundee Ready Educational Environment Measure của tác giả De Roff được dịch và chuẩn hóa

bởi tác giả Hoàng Lan Vân [4], bộ công cụ Clinical Learning Environment Inventory được tác giả Trương Thị Huệ dịch sang tiếng Việt [5]. Bộ công cụ gồm có 2 phần:

- Phần 1: Thông tin chung của ĐTNC bao gồm: tuổi, giới tính, năm học.

- Phần 2: Gồm có 53 câu hỏi khảo sát quan điểm của sinh viên về học lý thuyết (11 câu), học thực hành (11 câu), giảng viên giảng dạy học phần (06 câu), phương pháp giảng dạy (12 câu), cơ sở vật chất và tài liệu (13 câu). Mỗi câu hỏi được đánh giá theo thang Likert 4 mức độ là: rất đồng ý, đồng ý, không đồng ý và rất không đồng ý. Bộ công cụ đã được tiến hành nghiên cứu thử nghiệm trên 50 SV điều dưỡng năm thứ 2 và cho chỉ số Cronbach alpha là 0,81.

- Phương pháp thu thập số liệu: SV tham gia nghiên cứu trả lời vào bộ câu hỏi tự điền đã thiết kế sẵn.

2.7. Xử lý số liệu

Số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0. Sử dụng tần số và tỷ lệ phần trăm để mô tả các đặc điểm chung của ĐTNC, quan điểm của SV về dạy - học phòng ngừa và KSNK.

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được Hội đồng khoa học của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương phê duyệt theo Quyết định 103/QĐ-ĐHKTYTHD. Đối tượng nghiên cứu tham gia dựa trên tinh thần tự nguyện. Thông tin SV được bảo đảm bí mật, số liệu chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Có 354 SV tham gia nghiên cứu. Trong đó có 15% là nam, và 85% là nữ. Số lượng SV năm 2 là 46%, năm 3 là 14,1%, năm 4 là 39,8%.

3.2. Thực trạng dạy và học phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn

Bảng 1. Quan điểm của SV về việc dạy và học lý thuyết học phần KSNK

STT	Quan điểm N = 354	Đồng ý		Không đồng ý	
		n	%	n	%
1	Giảng dạy lý thuyết KSNK bám sát mục tiêu môn học	344	97,1	10	2,9
2	Tôi biết rõ mục tiêu học tập của học phần KSNK	343	96,9	11	3,1

STT	Quan điểm N = 354	Đồng ý		Không đồng ý	
		n	%	n	%
3	Các giảng viên sử dụng phương pháp giảng dạy cuốn hút và kích thích tư duy của SV trong suốt quá trình học lý thuyết KSNK	315	89	39	11
4	Giảng dạy chú trọng cung cấp kiến thức lý thuyết về KSNK	115	32,5	239	67,5
5	Thời gian mỗi buổi học KSNK được các giảng viên sử dụng hợp lý và hiệu quả	340	96,1	14	3,9
6	Học phần KSNK đã giúp tôi:				
6.1	Làm chủ việc học	328	92,6	26	7,4
6.2	Tham gia vào các hoạt động học tập trong giờ học lý thuyết KSNK	347	98	7	2
6.3	Giúp tôi phát triển sự tự tin của bản thân	320	90,4	34	9,6
6.4	Trở thành người học chủ động tích cực	323	91,2	31	8,8
6.5	Phát triển năng lực chuyên môn về KSNK	343	96,9	11	3,1
6.6	Hiểu sâu và áp dụng vào thực tế lâm sàng chứ không chỉ là học thuộc lòng	334	94,4	20	5,6

Nhận xét. Hầu hết SV đều cho rằng mình đã nắm được mục tiêu học tập học phần KSNK (96.9%), giảng viên giảng dạy học phần bám sát mục tiêu đã đề ra (97.1%). Tuy nhiên, có 11% SV cho rằng phương pháp giảng dạy của giảng viên chưa cuốn hút được SV vào bài học.

Bảng 2. Quan điểm của SV về dạy - học thực hành KSNK

STT	Nội dung N = 354	Đồng ý		Không đồng ý	
		n	%	n	%
1	Nội dung học thực hành có tính cập nhật theo tình hình thực tế	349	98,6	5	1,4
2	Có sự vận dụng linh hoạt các kiến thức lý thuyết vào từng kỹ năng tôi thực hành	350	98,9	4	1,1
3	Tôi cảm thấy tự tin khi phân loại chất thải y tế sau khi chăm sóc người bệnh	262	74,0	92	26,0
4	Tôi đã biết cách thu gom và vận chuyển an toàn chất thải y tế	271	76,6	83	23,4
5	Tôi đã biết cách phân loại và xử lý ban đầu các dụng cụ y tế sau khi sử dụng chăm sóc người bệnh	319	91,1	35	9,9
6	Tôi đã biết cách lựa chọn phương pháp khử khuẩn-tiệt khuẩn phù hợp với từng loại dụng cụ y tế	300	84,7	54	15,3
7	Tôi đã thực hiện thành thạo kỹ năng vệ sinh tay đúng thời điểm	351	99,2	3	0,8
8	Tôi đã biết các lựa chọn và sử dụng phương tiện PHCN	348	98,4	6	1,6
9	Tôi đã biết cách phân loại, xử lý và bảo quản đồ vải cho người bệnh	298	84,2	56	15,8

STT	Nội dung N = 354	Đồng ý		Không đồng ý	
		n	%	n	%
10	Tôi cảm thấy tự tin khi nhận nhiệm vụ vệ sinh các loại bề mặt và môi trường trong bệnh viện	283	79,9	71	20,1
11	Nội dung học thực hành gắn liền với thực tế lâm sàng tại bệnh viện	345	97,5	9	2,5

Nhận xét: Trên 80% SV đồng ý với các nội dung về thực hành KSNK. Ngoại trừ nội dung về phân loại chất thải (26%), thu gom vận chuyển an toàn chất thải y tế (23,4%) và vệ sinh môi trường bề mặt (20,1%) SV chưa tự tin trong thực hành.

Bảng 3. Quan điểm của SV về giảng viên giảng dạy học phần

STT	Nội dung N = 354	Đồng ý		Không đồng ý	
		n	%	n	%
1	Các giảng viên có kiến thức vững chắc và chuyên môn sâu về KSNK	352	99,4	2	0,6
2	Các giảng viên luôn chuẩn bị bài chu đáo cho các buổi giảng lý thuyết KSNK	348	98,3	6	1,7
3	Trong quá trình giảng dạy KSNK, các giảng viên thường đưa ra các ví dụ rõ ràng trên lâm sàng giúp SV hiểu bài nhanh hơn.	341	96,3	14	3,7
4.1	Trong quá trình giảng dạy KSNK, các giảng viên đã đưa ra các phản hồi hữu ích cho việc học của SV	344	97,1	10	2,9

STT	Nội dung N = 354	Đồng ý		Không đồng ý	
		n	%	n	%
4.2	Các giảng viên thường đưa ra những góp ý giúp SV điều chỉnh việc học KSNK để tiến bộ hơn	336	94,9	18	5,1
5	Các giảng viên khó tính và nghiêm khắc	94	26,5	260	73,5

Nhận xét: Trên 96% SV đều đồng ý rằng giảng viên có kiến thức chuyên môn về KSNK, chuẩn bị bài chu đáo trước khi lên lớp, thường xuyên lấy ví dụ cho SV dễ hiểu bài hơn. Tuy nhiên, vẫn còn một số SV cho rằng giảng viên chưa tích cực đưa ra phản hồi, góp ý để người học tích cực hơn trong việc học chiếm tỉ lệ từ 2.9% đến 5.1%. 26.5% SV cho rằng giảng viên khó tính nghiêm khắc và 18.7% cho rằng giảng viên thường hay giận giữ khi giảng dạy học phần.

Bảng 4. Quan điểm của SV về phương pháp giảng dạy thực hành KSNK

STT	Nội dung N = 354	Đồng ý		Không đồng ý	
		n	%	n	%
1	Mỗi bài học thực hành đều có cấu trúc rõ ràng, phù hợp với mục tiêu bài học	348	98,3	6	1,7
2	Giảng viên tóm tắt tổng quan về buổi học thực hành: giới thiệu buổi học, mục tiêu, nội dung chính	349	98,6	5	1,4
3	Giảng viên truyền đạt kiến thức dễ hiểu, gắn với tình huống cụ thể trên lâm sàng	335	94,6	19	5,4
4	Giảng viên áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy có tính sáng tạo và lôi cuốn tập trung vào bài giảng	320	92,9	25	7,1

STT	Nội dung N = 354	Đồng ý		Không đồng ý	
		n	%	n	%
5	Giảng viên làm mẫu theo đúng quy trình	347	98	7	2,0
6	Không có sự nhất quán trong cách hướng dẫn của các giảng viên đối với cùng 1 nội dung học tập	81	22,8	273	78,2
7	Tôi có đủ thời gian để thực hành mỗi nội dung được giảng viên hướng dẫn	316	89,3	38	10,7
8	Tôi phát huy được sự chủ động của bản thân trong mỗi buổi học thực hành	332	96,6	12	3,4
9	Giảng viên nhiệt tình giúp đỡ tôi trong quá trình học thực hành	331	93,5	23	6,5
10	Giảng viên đưa ra những nhận xét và góp ý trực tiếp để tôi tiến bộ hơn khi học thực hành	320	92,9	25	7,1
11	Giảng viên hướng dẫn không quan tâm đến những khó khăn mà tôi gặp phải trong quá trình học thực hành	65	18,4	289	71,6
12	Đánh giá của giảng viên đối với bài thực hành của tôi có tính khách quan và giúp tôi tiến bộ hơn trong quá trình học thực hành	350	98,9	4	1,1

Nhận xét: Phương pháp giảng dạy thực hành KSNK nhận được sự đồng ý cao của SV như: cấu trúc bài giảng thực hành, giới thiệu mục tiêu- nội dung bài học, làm mẫu quy trình của giảng viên với tỉ lệ trên

98%. Tuy nhiên, gần 25% SV cho rằng các GV không nhất quán trong việc hướng dẫn SV với cùng 1 nội dung; 18,4% cho rằng GV vẫn chưa quan tâm tới những khó khăn mà SV gặp phải.

Bảng 5. Quan điểm của SV về cơ sở vật chất và tài liệu giảng dạy KSNK

STT	Nội dung N = 354	Đồng ý		Không đồng ý	
		n	%	n	%
1	Số lượng phòng học đáp ứng đủ nhu cầu học tập của SV	322	91,0	32	9,0
2	Phòng thực hành tại khu thực hành được thiết kế giống với nơi tôi thực tập lâm sàng	277	78,2	77	21,8
3	Phòng học có đầy đủ trang thiết bị để có thể giúp tôi sử dụng hiệu quả các tài liệu, video hướng dẫn của giảng viên	306	86,4	48	13,6
4	Tôi mong muốn rằng có thể được mượn dụng cụ tại phòng thực hành để tự học	343	96,9	11	3,1
5.1	Tôi được cung cấp đầy đủ dụng cụ cho bài học “vệ sinh tay và sử dụng phương tiện PHCN”	344	97,2	10	2,8
5.2	Tôi được cung cấp đầy đủ dụng cụ cho bài học “Khử khuẩn- tiệt khuẩn dụng cụ”	279	78,8	75	21,2
5.3	Tôi được cung cấp đầy đủ dụng cụ cho bài học “Quản lý đồ vải”	275	77,7	79	22,3
5.4	Tôi được cung cấp đầy đủ dụng cụ cho bài học “Phân loại và xử lý chất thải y tế”	321	91,7	33	9,3

STT	Nội dung N = 354	Đồng ý		Không đồng ý	
		n	%	n	%
5.5	Tôi được cung cấp đầy đủ dụng cụ cho bài học “Quản lý buồng bệnh và vệ sinh môi trường bệnh viện”	277	78,2	77	21,8
6	Các dụng cụ tại phòng thực hành không có nhiều khác biệt với các dụng cụ tại cơ sở tôi thực tập lâm sàng	307	86,7	47	13,3
7	Thư viện có đầy đủ các loại sách, tài liệu tham khảo về KSNK	337	95,2	17	4,8
8	Tôi được cung cấp đầy đủ quy trình chuẩn cho mỗi nội dung thực hành	348	98,3	6	1,7
9	Tôi được cung cấp và hướng dẫn cách sử dụng hiệu quả tài liệu hướng dẫn SV	348	98,3	6	1,7

Nhận xét: Phần lớn (>95%) SV đồng ý rằng đã được cung cấp đủ quy trình, tài liệu phục vụ học phần KSNK; 96,9% SV mong muốn có thể mượn phòng thực hành (TH) để tự học. Trên 20% SV cho rằng dụng cụ cho đối với các nội dung: khử khuẩn- tiết khuẩn, quản lý đồ vải và vệ sinh môi trường chưa đáp ứng với nội dung thực hành và phòng TH cần thiết kế giống với lâm sàng.

4. BÀN LUẬN

Nội dung phòng ngừa và KSNK gồm có 2 phần là lý thuyết và thực hành. Nội dung này cũng được giảng dạy trước khi học viên đi học lâm sàng. Nghiên cứu chỉ ra rằng, phần lớn SV đồng ý việc giảng dạy lý thuyết luôn bám sát mục tiêu, thời gian mỗi buổi học được giảng viên sử dụng hợp lý. Các phương pháp giảng dạy cuốn hút, giúp cho SV tự tin và chủ động trong việc học từ đó giúp SV hiểu sâu, áp dụng vào

thực tế lâm sàng giúp phát triển năng lực chuyên môn về KSNK. Điều này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Hữu Thắng chỉ ra rằng kiến thức và thực hành của học phần KSNK giúp SV áp dụng vào công việc khi đi lâm sàng như vệ sinh tay, phân loại rác thải y tế, xử lý đồ vải, xử lý dụng cụ y tế,...[6].

Phần lớn SV cho rằng giảng viên có kiến thức vững chuyên môn vững chắc, chuẩn bị bài giảng chu đáo và luôn đưa ra những ví dụ lâm sàng cụ thể để SV hiểu bài nhanh hơn, trong quá trình giảng dạy giảng viên cũng đưa ra những phản hồi hữu ích cho SV. Tuy nhiên có một số lượng không nhỏ (26,5%) SV cho rằng giảng viên giảng dạy học phần KSNK nghiêm khắc. Tỷ lệ này thấp hơn trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Lan Anh và cộng sự năm 2022 [7]. Trong nghiên cứu này tác giả cũng thấy có đến 50,4% SV cho rằng giảng viên giảng dạy khó tính. Học phần KSNK là một học phần dạy cho SV về các nguyên tắc phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn chăm sóc người bệnh. Vì vậy, trong quá trình giảng dạy những nội dung này giảng viên thường khắt khe với những SV làm thao tác sai vì điều này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc người bệnh mà còn gây ra nguy cơ lây nhiễm cho chính SV khi thực hiện chăm sóc người bệnh.

Tỷ lệ sinh viên chưa tự tin khi phân loại rác thải (26%), thu gom và vận chuyển chất thải y tế (23,3%), vệ sinh môi bề mặt và môi trường bệnh viện (20%) còn khá cao. Kết quả này cũng tương tự như trong nghiên cứu của Nguyễn Hữu Thắng và cộng sự, chỉ có 30% SV trả lời đúng về nội dung vệ sinh môi trường bề mặt [7]. Có thể lý giải điều này là do khi SV đi lâm sàng thường chú trọng vào nguyên nhân, triệu chứng của bệnh và thực hiện các thủ thuật hơn là các vấn đề liên quan đến phân loại, xử lý chất thải và vệ sinh môi trường xung quanh người bệnh. Một nguyên nhân khác có thể kể đến là do vấn đề vệ sinh môi trường bề mặt, thu gom chất thải y tế trong bệnh viện thường được thực hiện bởi nhân viên vệ sinh, SV ít tham gia vào các hoạt động này.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng có đến 96,9% SV mong muốn được mượn dụng cụ thực hành để tự học. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả là có 91,25 SV đồng ý việc học KSNK giúp họ chủ động tích cực hơn trong việc học. Đa số SV đồng ý rằng cơ sở vật chất, tài liệu giảng dạy đáp ứng được yêu cầu học tập. Tuy nhiên một số sinh viên lại cho rằng phòng thực hành cần được thiết kế giống với lâm sàng và trên 20% SV cho rằng cần cung cấp đầy đủ dụng cụ và trang thiết bị cho các nội dung quản lý đồ vải, khử khuẩn tiết khuẩn và vệ sinh bề mặt. Điều này cũng phù hợp với tỷ lệ SV chưa tự tin khi thực hành những nội dung trên. Thực tế tại Trung tâm Huấn luyện Kỹ năng lâm sàng chưa có phòng thực hành mô phỏng giống các phòng chăm sóc tại bệnh viện, chưa có bồn vệ sinh tay ngoại khoa đạt chuẩn để thực hành.

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Nội dung phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn đã đạt được những hiệu quả bước đầu trong việc xây dựng và phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ cho sinh viên điều dưỡng. Tuy nhiên cần có sự tăng cường về dụng cụ và thiết kế phòng thực hành, và hỗ trợ của giảng viên để nâng cao hiệu quả đào tạo và năng lực thực hành cho sinh viên trong môi trường làm việc thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] World Health Organization. WHO launches first ever global report on infection prevention and control; 2022.<https://www.who.int/news/item/06-05-2022-who-launches-first-ever-global-report-on-infection-prevention-and-control>
- [2] Bộ Y tế. Thông tư 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. 2018. <https://luatvietnam.vn/y-te/thong-tu-16-2018-tt-byt-ve-kiem-soat-nhiem-khuan-trong-benh-vien-165762-d1.html>
- [3] Vũ Thị Là. Thực trạng công tác giảng dạy kiểm soát nhiễm khuẩn cho sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. Tạp chí Y học Việt Nam. 2023;527(2):159 - 162.
- [4] Hoàng Lan Vân, Mccathy S, Ramsbotham J. Dịch và chuẩn hóa bộ công cụ đánh giá giáo dục DREEM: Nghiên cứu bước đầu về giáo dục điều dưỡng tại Việt Nam. Tạp chí Điều dưỡng. 2020; 31:84-89.
- [5] Trương Thị Huệ. Vietnamese nursing students' perceptions of their clinical learning environment: A cross-sectional survey [thesis]. Brisbane: Queensland University of Technology; 2015.
- [6] Nguyễn Hữu Thắng, et al. Nghiên cứu thực trạng kiến thức, thái độ về các biện pháp phòng ngừa chuẩn của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. Đề tài nghiên cứu cấp cơ sở. Hải Dương: Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương; 2022.
- [7] Nguyễn Thị Lan Anh, et al. Khảo sát sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương về môi trường học tập lý thuyết và lâm sàng. Đề tài nghiên cứu cấp cơ sở. Hải Dương: Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương; 2022.